

(Dự thảo)

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y
TRUNG ƯƠNG NAVETCO

THÁNG 5 NĂM 2018

MỤC LỤC

	Trang
PHẦN MỞ ĐẦU	06
<i>Điều 1.</i> Định nghĩa các thuật ngữ trong điều lệ	06
CHƯƠNG I. TÊN GỌI, HÌNH THỨC SỞ HỮU, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	07
<i>Điều 2.</i> Tên gọi, hình thức sở hữu, trụ sở và thời hạn hoạt động của Công ty	07
<i>Điều 3.</i> Mục tiêu và lĩnh vực kinh doanh, phạm vi kinh doanh, hoạt động của Công ty	08
<i>Điều 4.</i> Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty đối với các công ty tự nguyện tham gia liên kết	09
CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	10
<i>Điều 5.</i> Vốn điều lệ, cổ phần	10
<i>Điều 6.</i> Chuyển nhượng cổ phần	11
<i>Điều 7.</i> Thu hồi cổ phần	12
CHƯƠNG III. TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY	12
<i>Điều 8.</i> Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	12
MỤC I. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	13
<i>Điều 9.</i> Cổ đông Quyền của cổ đông	13
<i>Điều 10.</i> Nghĩa vụ của cổ đông	14
<i>Điều 11.</i> Đại hội đồng cổ đông	16
<i>Điều 12.</i> Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	17
<i>Điều 13.</i> Các đại diện được ủy quyền	19
<i>Điều 14.</i> Thay đổi các quyền	21
<i>Điều 15.</i> Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
<i>Điều 16.</i> Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	23
<i>Điều 17.</i> Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	24

<i>Điều 18.</i> Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	26
<i>Điều 19.</i> Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	27
<i>Điều 20.</i> Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	29
<i>Điều 21.</i> Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	30
MỤC II. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	30
<i>Điều 22.</i> Thành phần tiêu chuẩn và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	30
<i>Điều 23.</i> Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	33
<i>Điều 24.</i> Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị	37
<i>Điều 25.</i> Cuộc họp của Hội đồng quản trị	38
MỤC III. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC THÀNH VIÊN QUẢN LÝ KHÁC	42
<i>Điều 26.</i> Tổ chức bộ máy quản lý	42
<i>Điều 27.</i> Thành viên quản lý khác.....	42
<i>Điều 28.</i> Tổng giám đốc	42
<i>Điều 29.</i> Phó Tổng giám đốc.....	45
<i>Điều 30.</i> Kế toán trưởng.....	46
<i>Điều 31.</i> Thư ký Công Ty	47
MỤC IV. BAN KIỂM SOÁT	47
<i>Điều 32.</i> Ban kiểm soát	47
MỤC V. NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	51
<i>Điều 33.</i> Trách nhiệm cần trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành.....	51
<i>Điều 34.</i> Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi ...	51
<i>Điều 35.</i> Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	52
CHƯƠNG VI. QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN QUẢN LÝ VỐN CỦA CÔNG TY ĐẦU TƯ TẠI CÔNG TY KHÁC.....	53
<i>Điều 36.</i> Vốn công ty đầu tư ở công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh	53

Điều 37. Quản lý phần vốn góp của công ty góp vào doanh nghiệp khác là công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh	53
Điều 38. Tiêu chuẩn và điều kiện của người đại diện phần vốn của công ty ở các doanh nghiệp khác là công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh	54
Điều 39. Quyền, nghĩa vụ và quyền lợi của người đại diện ủy quyền hoặc người đại diện phần vốn của công ty ở các doanh nghiệp khác là công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh	55
CHƯƠNG V. QUYỀN KIỂM TRA SỔ SÁCH, HỒ SƠ VÀ CHẾ ĐỘ LƯU TRỮ TÀI LIỆU CỦA CÔNG TY.....	56
Điều 40. Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ Công ty	57
Điều 41. Chế độ lưu trữ tài liệu của Công ty	57
CHƯƠNG VI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	57
Điều 42. Công nhân viên và công đoàn	57
Điều 43. Tổ chức Đảng cộng sản Việt nam và các tổ chức chính trị xã hội khác.....	58
CHƯƠNG VII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	58
Điều 44. Cổ tức	58
CHƯƠNG VIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, TRÍCH LẬP QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	59
Điều 45. Tài khoản ngân hàng	59
Điều 46. Năm tài chính	59
Điều 47. Chế độ kế toán	60
CHƯƠNG IX. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	60
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	60
Điều 49. Báo cáo thường niên.....	61
Điều 50. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	61
CHƯƠNG X. KIỂM TOÁN CÔNG TY	61
Điều 51. Kiểm toán Công ty	61
CHƯƠNG XI. CON DẤU	61
Điều 52. Con dấu	61

CHƯƠNG XII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	62
<i>Điều 53. Chấm dứt hoạt động</i>	62
<i>Điều 54. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông.....</i>	62
<i>Điều 55. Thanh lý</i>	62
CHƯƠNG XIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	63
<i>Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ</i>	63
CHƯƠNG XIV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	63
<i>Điều 57. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ</i>	64
<i>Điều 58. Ngày hiệu lực</i>	64
<i>Điều 59. Chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị</i>	65
<i>PHỤ LỤC SỐ 1</i>	65

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO (dưới đây gọi là “**Công ty**”) là cơ sở pháp lý cho các hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh của Công ty. Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO được chuyển đổi từ Công ty TNHH một thành viên Thuốc Thú y Trung ương và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan khác.

Điều lệ này được thông qua bởi các cổ đông của Công ty theo Nghị quyết được thông qua hợp lệ tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 08 tháng 6 năm 2018.

Các cổ đông, Người quản lý điều hành, cùng toàn thể người lao động của Công ty phải có trách nhiệm tôn trọng và thực hiện Điều lệ này.

Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ trong điều lệ:

1.1. Trong Điều lệ này những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a. “Hội đồng quản trị” có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty CP Thuốc Thú y TW NAVETCO;

b. “Vốn điều lệ” là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;

c. “Luật doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 có hiệu lực ngày 01/07/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm.

d. “Ngày thành lập” là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu tiên;

e. “Cán bộ quản lý cấp cao” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, và cá nhân giữ chức vụ quản lý khác có thẩm quyền nhân danh ký kết giao dịch của Công ty theo Điều lệ này hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị của Công ty tùy từng thời điểm (nếu có);

f. “Người điều hành” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các Giám đốc bộ phận và các chức danh khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị;

g. “Cán bộ quản lý” là các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc.

h. “Những người liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến Công ty trong các trường hợp được quy định tại Khoản 17, Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp 2014 và Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng Khoán;

i. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và mọi thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng Nghị quyết;

k. “Việt Nam” có nghĩa là Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

1.2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

1.3. Các tiêu đề (chương, mục, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng đến nội dung của Điều lệ này.

1.4. Các từ ngữ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không có mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Chương I

TÊN GỌI, HÌNH THỨC SỞ HỮU, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên gọi, hình thức sở hữu, trụ sở và thời hạn hoạt động của Công ty:

2.1: Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO.

- Tên tiếng Anh: NAVETCO NATIONAL VETERINARY JOINT STOCK COMPANY.

- Tên giao dịch viết tắt: NAVETCO

Với vòng elip dạng quả cầu cách điệu vòng quanh chữ NAVETCO màu xanh. Logo có thêm sắc đỏ đường chân trời bên dưới chữ NAVETCO mang lại màu sắc tươi tắn và tràn đầy năng lượng, chữ Since 1955 là khẳng định vị thế Công ty Navetco với bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất vaccine, lĩnh vực quan trọng của Công ty. NAVETCO muốn gửi thông điệp đến khách hàng thông qua sứ mệnh “ Animal Health”



2.2. Công ty là Công ty Cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật hiện hành của Việt Nam.

2.3. Trụ sở đăng ký kinh doanh của Công ty:

Địa chỉ: Số 9-11 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TPHCM

Điện thoại: 028.38225063 – 08.38225955

Fax: 028.38225060

Website: www.navetco.com.vn

* Chi nhánh Công ty:

**1. CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO
CHI NHÁNH HÀ NỘI**

Địa chỉ: số 164 phố Phương Liệt, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Điện thoại: 04.38691003

Fax: 04.36290393

**2. CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO
CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: số 28 VSIP đường số 6, KCN Việt Nam - Singapore, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**3. CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO
CHI NHÁNH MIỀN TÂY**

Địa chỉ: 23A Nguyễn Đệ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.

2.4. Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty

2.5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện thuộc lĩnh vực kinh doanh trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

2.6. Thời hạn hoạt động của Công ty là không xác định thời hạn kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu tiên trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 53 Điều lệ này.

Điều 3. Mục tiêu, lĩnh vực kinh doanh và phạm vi kinh doanh, hoạt động của Công ty:

3.1. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Mục tiêu của Công ty là không ngừng phát triển và mở rộng các hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh nhằm đem lại lợi nhuận cho các cổ đông; tối đa hóa giá trị doanh nghiệp, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động và thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

3.2. Ngành nghề kinh doanh:

3.2.1. Ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất, kinh doanh thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, chế phẩm sinh học, hóa chất dùng trong thú y và thú y thủy sản.
- Dự trữ quốc gia về thuốc thú y, thú y thủy sản.

3.2.2. Ngành nghề kinh doanh có liên quan, phục vụ trực tiếp cho ngành nghề kinh doanh chính:

- Nghiên cứu khoa học về thú y, các phương pháp chẩn đoán, phòng chống bệnh cho đàn gia súc, gia cầm.
- Mua bán nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ cho sản xuất thuốc thú y, thú y thủy sản.
- Sản xuất chế phẩm sinh học phục vụ chăn nuôi.
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Thiết kế, sản xuất, kinh doanh bao bì.

3.2.3. Ngành nghề kinh doanh khác:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

3.3. Phạm vi kinh doanh và hoạt động:

a. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

b. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty trong phạm vi pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 4. Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty đối với các công ty tự nguyện tham gia liên kết:

4.1. Công ty tự nguyện tham gia liên kết là đơn vị không có cổ phần, vốn góp của Công ty, được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật.

4.2. Công ty tự nguyện tham gia liên kết sử dụng thương hiệu, biểu tượng của Công ty phải được sự đồng ý của Công ty về nội dung, mục đích, phạm vi, thời gian sử dụng.

4.3. Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty đối với công ty tự nguyện liên kết và ngược lại được thể hiện thông qua thỏa thuận hợp đồng trong các lĩnh vực về thị trường, thương hiệu, công nghệ, nghiên cứu, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cũng như các lĩnh vực khác mà hai bên thỏa thuận theo đúng các quy định của pháp luật.

Chương II

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần:

5.1. Vốn điều lệ của công ty do tất cả cổ đông đóng góp dưới hình thức mua cổ phần và được ghi vào Điều lệ công ty. Vốn điều lệ được đóng góp bằng tiền Việt Nam hoặc bằng hiện vật được định giá theo một đơn vị thống nhất là đồng Việt Nam.

Các cổ phần của công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.

Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 9 của Điều lệ này.

5.2. Vào ngày thông qua Điều lệ này, vốn Điều lệ của Công ty là 160.000.000.000 đồng (một trăm sáu mươi tỷ đồng Việt Nam), được chia thành 16.000.000 (mười sáu triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 Việt Nam đồng/ cổ phần.

5.3. Công ty không có cổ đông sáng lập.

5.4. Công ty có thể tăng vốn Điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5.5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5.6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi một (21) ngày làm việc), để cổ đông có thể đăng ký đặt mua. Mọi cổ phần nào không được đặt mua theo thông báo chào bán đó sẽ chịu sự kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ khi các cổ đông chấp thuận khác đi hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.

5.7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan.

5.8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5.9. Sổ đăng ký cổ đông:

Sổ cổ đông phải có đầy đủ các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 2 điều 121 Luật Doanh nghiệp 2014.

Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở của Trung tâm lưu ký chứng khoán, cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Trung tâm lưu ký chứng khoán để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.

Điều 6. Chuyển nhượng cổ phần:

6.1. Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Cổ đông chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần đã mua trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày công ty chuyển sang cổ phần.

Việc chuyển nhượng cổ phần đối với cổ phần của người lao động mua thêm được áp dụng theo Điều 48, Nghị định 59/2011/NĐ-CP.

6.2. Cổ phần của cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị không được phép chuyển nhượng trong thời gian đương nhiệm, trong trường hợp đặc biệt thì các thành viên của Hội đồng quản trị bỏ phiếu đa số thống nhất việc chuyển nhượng này.

6.3. Cổ phiếu đã giao dịch trên sàn phải được chuyển nhượng thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán phù hợp với các quy định và quy chế của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.

6.4. Trong trường hợp một cổ đông là cá nhân chết; mất năng lực hành vi dân sự; hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thì những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản hợp pháp của cổ đông đó sẽ là người/những người duy nhất được Công ty thừa nhận là có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần; và quy định này không được hiểu là có việc miễn trừ trách nhiệm của cổ đông đã chết khỏi mọi nghĩa vụ gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

Điều 7. Thu hồi cổ phần:

7.1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

7.2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

7.3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

7.4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp 2014. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

7.5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán [các khoản tiền có liên quan] và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 12 % một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

7.6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 8. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát:

8.1. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm :

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Ban Kiểm soát;
- d. Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng;
- e. Các phòng, ban, phân xưởng và tương đương.

Sơ đồ tổ chức Công ty (theo Phụ lục số 1 - Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Điều lệ này.)

8.2. Tổ chức hoạt động:

- a. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông;
- b. Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị lãnh đạo, bầu Ban Kiểm soát để giám sát hoạt động kinh doanh và vốn của Công ty;
- c. Điều hành hoạt động của Công ty là Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.

MỤC I

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 9. Cổ đông và quyền của cổ đông:

9.1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

9.2. Cổ đông là pháp nhân.

Người đại diện phần vốn của một pháp nhân tại Công ty là người đại diện trước pháp luật của pháp nhân đó. Người đại diện phần vốn có thể được ủy quyền cho một người khác làm đại diện cho pháp nhân đó tại Công ty. Trường hợp cổ đông là pháp nhân có sự thay đổi về tổ chức như sáp nhập, chia tách, hợp nhất thì pháp nhân được kế thừa quyền và nghĩa vụ của pháp nhân đã được tổ chức lại sẽ được coi là cổ đông của Công ty. Trong trường hợp này, Cổ đông là pháp nhân mới phải gửi đến Công ty các văn bản pháp lý về việc tổ chức lại.

9.3. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận đầy đủ thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp 2014;

j. Có thể ủy quyền cho người khác (bằng Giấy ủy quyền) đại diện thay mình tham gia các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông với những điều kiện sau :

- Chỉ được ủy quyền từng lần cho mỗi kỳ Đại hội đồng cổ đông.

- Phải có Giấy ủy quyền.

k. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

9.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ [5]% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Các quyền như cổ đông phổ thông quy định tại Khoản 3 Điều này;

b. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại khoản 2 Điều 22 và Khoản 7 Điều 32 Điều lệ này;

c. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp 2014;

Yêu cầu phải được lập bằng văn bản, kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

d. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;

e. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

f. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 10. Nghĩa vụ của cổ đông:

a. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

b. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

c. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

d. Chịu trách nhiệm về số lỗ, nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;

e. Bảo vệ lợi ích, tài sản và giữ bí mật nghề nghiệp về các hoạt động của Công ty, tham gia các công việc chung của Công ty khi được phân công;

f. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức nào, trừ trường hợp được Công ty mua lại hoặc người khác mua lại cổ phần;

g. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

h. Phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện các hành vi gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại cho quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn các hành vi sau:

- Vi phạm pháp luật;
- Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của các tổ chức, cá nhân khác;
- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra với Công ty;

i. Hoàn thành các nghĩa vụ khác do luật pháp quy định và theo Điều lệ Công ty;

j. Chịu trách nhiệm cá nhân về chi phí khi trực tiếp hoặc tham gia yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông với lý do, nguyên nhân không phù hợp.

10.2. Tổ chức, cá nhân trở thành cổ đông lớn của Công ty, ngoài các nghĩa vụ nêu tại khoản 1 Điều này và công bố thông tin theo quy định của pháp luật, còn phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trong thời hạn (07) bảy ngày, kể từ ngày trở thành cổ đông lớn. Báo cáo về sở hữu cổ đông lớn bao gồm các nội dung sau :

- Tên, địa chỉ, ngành, nghề kinh doanh đối với cổ đông lớn là tổ chức, Họ, tên, tuổi, quốc tịch, nơi cư trú, nghề nghiệp đối với cổ đông lớn.

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm cổ phiếu do cổ tức, cá nhân sở hữu hoặc cùng với tổ chức, cá nhân khác sở hữu trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành.

10.3. Khi có sự thay đổi quan trọng về thông tin nêu trong báo cáo quy định tại Khoản 2 Điều này hoặc có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt

quá 1% số lượng cổ phiếu cùng loại đang lưu hành, thì trong thời hạn (07) bảy ngày kể từ ngày có sự thay đổi tên, cổ đông lớn phải nộp báo cáo sửa đổi bổ sung cho Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu được niêm yết.

10.4. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền và lợi ích của Công ty và các cổ đông khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

10.5. Quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 11. Đại hội đồng cổ đông:

11.1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn thời hạn triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

11.2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

11.3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Khi số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 9 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi

phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp 2014 hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

11.4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh (nếu có) cho Công ty.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp 2014; Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp 2014.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d. Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại;

e. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp.

Điều 12. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.

12.1. Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được tổ chức ít nhất mỗi năm 01 lần và không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn

bản. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh của Công ty;
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình công ty;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
- e. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

12.2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Thông qua định hướng phát triển của Công ty.
- c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại mà Hội đồng quản trị sẽ được quyền chào bán;
- d. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- g. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- h. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo thù lao của Hội đồng quản trị;
- i. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền yêu cầu chào bán;
- j. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- k. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- l. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- m. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- n. Quyết định đầu tư các dự án/giao dịch bán tài sản Công ty hoặc bất kỳ Chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
- o. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

p. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời làm Tổng Giám đốc;

q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

Trong trường hợp này các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện sáu mươi lăm (65)% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý;

r. Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

t. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát, kết quả giám sát tình hình hoạt động tài chính của Công ty, kết quả giám sát đối với người quản lý và người điều hành, đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cổ đông.

u. Thay đổi ngành nghề kinh doanh, thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty theo quy định tại Điều 134 Luật doanh nghiệp 2014.

v. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

12.3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

12.4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Các đại diện được ủy quyền:

13.1. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Trường hợp có nhiều hơn một đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông;

b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền;

- d) Số cổ phần được ủy quyền đại diện;
- đ) Thời hạn đại diện theo ủy quyền;
- e) Họ, tên, chữ ký của đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

13.2. Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật, có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người được ủy quyền dự họp tham dự. Người được ủy quyền dự họp không nhất thiết phải là cổ đông.

13.3. Hồ sơ chỉ định người được ủy quyền dự họp phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung của Công ty hoặc theo mẫu khác mà Hội đồng quản trị chấp thuận và:

- a. Trường hợp cổ đông là cá nhân thì phải được ký bởi cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
- b. Trường hợp đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp; và
- c. Trường hợp tổ chức đó không có người đại diện theo ủy quyền để thực hiện các quyền của cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, văn bản ủy quyền phải được người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó ký và đóng dấu và đồng thời phải được ký bởi người được ủy quyền tham dự;
- d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

13.4. Trong trường hợp pháp luật Việt Nam cho phép, văn bản ủy quyền dự họp có thể được ký bởi luật sư của cổ đông (bao gồm cả cá nhân và tổ chức) và đồng thời phải được ký bởi người được ủy quyền tham dự. Trường hợp văn bản chỉ định đại diện được ủy quyền được một luật sư ký thay mặt người ủy quyền như quy định tại Điều 13.3.c ở trên thì thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao có xác nhận hợp lệ của thư ủy quyền đó phải được (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty) nộp cùng với văn bản chỉ định đại diện được ủy quyền. Nếu cổ đông không thực hiện theo đúng quy định này thì việc ủy quyền sẽ bị coi là không có hiệu lực.

13.5. Lá phiếu bầu của đại diện được ủy quyền trong phạm vi được ủy quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi cổ đông chỉ định đại diện ủy quyền đó đã:

- a. Chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền;
- d. Tuy nhiên, các điều khoản a, b, c sẽ không được áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo về một trong các tình huống nêu trên trước cuộc họp bốn mươi tám (48) giờ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại bốn mươi tám (48) giờ.

Điều 14. Thay đổi các quyền:

14.1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua và phải được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.

14.2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

14.3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17 và Điều 19 Điều lệ này.

14.4. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần mới quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi trong một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm cổ phần cùng loại.

Điều 15. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông:

15.1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại các khoản 2, khoản 3 Điều lệ này.

15.2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải ghi rõ họ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần mà cổ đông đó nắm giữ; Chương trình, nội dung đại hội; Các tài liệu theo quy định phù hợp với pháp luật và các quy định của Công ty.

b. Công bố thông tin việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo điểm a, khoản 2 điều này tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

- c. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- d. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- e. Các công việc khác phục vụ đại hội.

15.3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm: Chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội, phiếu biểu quyết và mẫu chỉ định đại diện ủy quyền dự họp.

a. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ của cổ đông. Nếu cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử thì thông báo họp có thể sẽ được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trong trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty thì thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay tại nơi họ làm việc. Đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất [mười (10)] ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

b. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- Phiếu biểu quyết;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

15.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

15.5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5]% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Điều lệ này;
- c. Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết;
- d. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

15.6. Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo một nghị quyết.

15.7. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

a. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

b. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không thực hiện đúng như quy định.

c. Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 147 Luật doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 16. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

16.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.

16.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ 2 trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ấn định họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

16.3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

16.4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 của Luật doanh nghiệp.

Điều 17. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

17.1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

17.2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

17.3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

17.4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

Chủ tọa được bầu của đại hội đề cử Ban thư ký để lập Biên bản đại hội.

17.5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử

viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

17.6. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

17.7. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

17.8. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

17.9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

17.10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

17.11. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

17.12. Trong Điều lệ này (trừ khi có quy định khác đi), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia Đại hội tại địa điểm chính của Đại hội.

17.13. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

17.14. Các trường hợp khác được quy định tại Điều 142 Luật Doanh nghiệp và bản Điều lệ này.

Điều 18. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

18.1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ [51%] trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.
- d. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông.

18.2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

18.3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ [65%] trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

18.4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

18.5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

18.6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày

nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 19. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

19.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

19.2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật doanh nghiệp;

19.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

19.4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

19.5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

19.6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

19.7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

19.8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

19.9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 20. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

20.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a.** Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b.** Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c.** Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d.** Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e.** Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f.** Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g.** Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h.** Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i.** Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

20.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

20.3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

20.4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

20.5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 21. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 9 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

21.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật doanh nghiệp;

21.2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng chín mươi (90) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp 2014 và Điều lệ này.

MỤC II

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Thành phần, tiêu chuẩn và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

22.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (5) năm người.

a. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữ các thành viên Hội đồng quản trị có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty. Đồng thời phải đảm bảo số thành viên Hội đồng quản trị độc lập chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

b. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập và thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương pháp làm tròn xuống.

c. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm, và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trường hợp tất cả các thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

22.2. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị:

a. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; và nếu sở hữu từ sáu mươi (60)% trở lên thì họ có quyền đề cử đủ số ứng viên.

b. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

c. Thông tin liên quan đến các ứng cử viên được đề cử vào HĐQT được công bố chậm nhất 10 (mười) ngày làm việc trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang website của Công ty để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bầu. Thông tin được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh
- Trình độ chuyên môn
- Quá trình công tác
- Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác
- Các lợi ích liên quan đến Công ty (nếu có)
- Các thông tin khác (nếu có)

22.3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

a. Thành viên HĐQT có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc được Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ.

HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc.

b. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này hoặc, hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
- Thành viên đó (i) bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; (ii) có hành vi vi phạm pháp luật và bị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tạm giam, tạm giữ;

- Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 tháng mà không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

- Thành viên đó bị bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- Thành viên đó khi vào thời điểm là đối thủ cạnh tranh hoặc người đại diện của đối thủ cạnh tranh của Công ty, không áp dụng điều khoản này đối với thành viên đại diện được ủy quyền của cổ đông chiến lược.

22.4. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3) để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ sung thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Và nhiệm kỳ của thành viên này là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được bổ nhiệm để thế vào một chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng vẫn phải trải qua cuộc bỏ phiếu tín nhiệm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên tiếp theo.

Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

22.5. Thành viên của Hội đồng quản trị phải là cổ đông của Công ty.

22.6. Tiêu chuẩn, điều kiện, quyền hạn và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.

- Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật doanh nghiệp.

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty.

c. Thành viên của Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác nhưng không được làm thành viên Hội đồng quản trị của quá 05 Công ty khác kể từ ngày Điều lệ này được thông qua.

- Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

a. Hội đồng quản trị có thể căn cứ vào trình độ chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm của từng thành viên để phân công nhiệm vụ.

b. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Công ty.

c. Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng các vấn đề được đưa ra thảo luận.

d. Báo cáo kịp thời và đầy đủ cho Hội đồng quản trị các thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn của Công ty.

e. Có quyền yêu cầu cung cấp thông tin theo Khoản 7 Điều này.

f. Cố vấn, hiến kế, đôn đốc, kiểm tra theo lĩnh vực của mình cho Chủ tịch Hội đồng quản trị về chiến lược đầu tư trung, dài hạn, nhân sự Ban điều hành.

g. Có quyền kiến nghị đến Chủ tịch Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông áp dụng hình thức khiển trách, bãi nhiệm, cách chức các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành nếu các cá nhân đó có sai phạm trong công tác quản lý, điều hành công tác đầu tư, kế hoạch sản xuất kinh doanh gây thiệt hại về tài sản của Công ty

h. Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán nhà nước, sở giao dịch Chứng khoán và thực hiện việc công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.

i. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Bản Điều lệ này.

22.7. Quyền cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.

a. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

b. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin tài liệu theo yêu cầu bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 23. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị:

23.1. Hoạt động của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những công việc thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị để công ty làm ăn thua lỗ mất vốn hai năm liền thì phải giải trình các nguyên nhân khách quan, chủ quan trước Đại hội đồng cổ đông để

Đại hội xem xét và quyết định những vấn đề liên quan đến trách nhiệm của Hội đồng quản trị kể cả trách nhiệm về vật chất và xem xét có thể tiếp tục đảm nhiệm trách nhiệm của Hội đồng quản trị nữa hay không.

23.2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và những người quản lý khác trong hoạt động hàng ngày của Công ty.

23.3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, bản Điều lệ này quy định.

Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm như sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất - kinh doanh trung hạn và dự toán ngân sách hàng năm của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động và chiến lược trên cơ sở các mục tiêu chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với:

(i) Tổng Giám đốc; quyết định mức lương và lợi ích khác của người quản lý đó;

(ii) Bất kỳ Người điều hành của Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó.

d. Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở tổ chức/doanh nghiệp khác, quyết định mức tiền thù lao và lợi ích khác của những người đó;

e. Quyết định về cơ cấu tổ chức của Công ty, ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty;

f. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty trong các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;

g. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

h. Thực hiện việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định của Pháp luật;

i. Quyết định giá bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời trình Đại hội đồng cổ đông quyết định. Quyết định thời hạn và thủ tục chi trả cổ tức. Quyết định phương án xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

k. Đề xuất với Đại hội đồng cổ đông việc tái cơ cấu, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông và tổ chức thực hiện thủ tục lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

m. Công khai lợi ích. Một thành viên Hội đồng quản trị mà bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này nếu khi đó thành viên này đã biết mình có lợi ích trong đó. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan;

n. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Đại hội đồng cổ đông giao.

23.4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty.

f. Các hợp đồng mua bán và giao dịch giữa Công ty, chi nhánh của Công ty với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp; các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn Ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản của Công ty hoặc chi nhánh của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm gửi và giải trình với Hội đồng quản trị về nội dung của các hợp đồng, giao dịch đó. Thành viên Hội đồng quản trị có liên quan không có quyền biểu quyết. Tổng Giám đốc chỉ được ký các hợp đồng, giao dịch này khi đã có quyết định chấp thuận của Hội đồng quản trị;

g. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

h. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

i. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

j. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng thì phải tuân thủ quy định tại Điều 130 Luật Doanh nghiệp và pháp luật mua bán, chuyển nhượng chứng khoán hiện hành;

k. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

l. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

23.5. Hội đồng quản trị phải báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, bao gồm việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính.

Trong trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

23.6. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý được quyền đại diện và hành động thay mặt Công ty, thậm chí đối với cả những vấn đề đòi hỏi việc đánh giá và đưa ra kết luận, trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác.

23.7. Các thành viên Hội đồng quản trị (không kể các đại diện được ủy quyền thay thế) được hưởng khoản tiền thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

23.8. Mỗi thành viên nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch và không cần xét đến việc chức vụ đó có được nắm giữ vị trí công việc mang tính chất điều hành hay không), hoặc thành viên làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thành viên thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

23.9. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị:

24.1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm chủ tịch.

24.2. Quyền hạn và nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị:

- a. Các quyền và nhiệm vụ nêu tại Khoản 6 Điều 22 Điều lệ này.
- b. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- c. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị;
- d. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải đệ trình báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm toán của Kiểm toán viên và báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị lên các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- e. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị;
- f. Theo dõi, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- g. Kiến nghị lên Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về việc bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc. Thay mặt Hội đồng quản trị ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm Tổng Giám đốc;
- h. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tạm đình chỉ những quyết định của Tổng Giám đốc để hạn chế tổn thất và sau đó phải thông qua Hội đồng quản trị để có quyết định chính thức trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ đó;
- i. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

24.3. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau :

- a. Có quyền và nhiệm vụ nêu tại Khoản 6 Điều 22 Điều lệ này.
- b. Thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các công việc được Hội đồng quản trị phân nhiệm hoặc được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền theo Khoản 5 Điều này.
- c. Tham mưu, cố vấn các vấn đề liên quan đến chiến lược đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, nhân sự thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm của Hội đồng quản trị.

24.4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt mà không ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thì Phó Chủ tịch sẽ là người thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt mà ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị mà thành viên đó không phải là

Phó Chủ tịch thì phải đồng thời thông báo việc này đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị.

24.5. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do nào thì Hội đồng quản trị phải bầu người tạm thời thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp việc từ chức hoặc bãi miễn làm cho số lượng thành viên Hội đồng quản trị giảm quá một phần ba (1/3) so với quy định tại Điều lệ này thì việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 25. Cuộc họp của Hội đồng quản trị:

25.1. Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

25.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm [(05) ngày làm việc] trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

25.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c. Có đề nghị ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

25.4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty. Trong trường hợp này những người đã đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

25.5 Địa điểm họp:

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

25.6. Thông báo họp:

Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất [Ba (03)] ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

25.7. Số thành viên tham dự tối thiểu:

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

25.8. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b Khoản 8 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm b Khoản 8 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 5 Điều 34 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

25.9. Công khai lợi ích:

Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết mình là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

25.10. Biểu quyết đa số:

Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

25.11. Việc bỏ phiếu của thành viên vắng mặt

Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

25.12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành

viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này trong vòng 15 ngày tính từ ngày kết thúc cuộc họp.

25.13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

25.14. Biên bản họp:

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Các quy định khác được quy định tại Điều 154 Luật doanh nghiệp.

25.15. Những người được mời họp dự thính:

Tổng Giám đốc, đại diện Ban kiểm soát, những cán bộ quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.

25.16. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị có thể thành lập, ủy quyền hành động và quyết định cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban bao gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều người khác bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra tùy từng thời điểm. Những quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng:

a. Số lượng thành viên kết nạp thêm phải ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban;

b. Nghị quyết của tiểu ban đó sẽ không có hiệu lực nếu đa số thành viên có mặt tại cuộc họp thông qua nghị quyết đó không phải là thành viên Hội đồng quản trị.

25.17. Giá trị pháp lý của hành động:

Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị hoặc của tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

MỤC III

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC THÀNH VIÊN QUẢN LÝ KHÁC

Điều 26. Tổ chức bộ máy quản lý:

Công ty ban hành một hệ thống tổ chức quản lý mà theo đó bộ máy quản lý phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một (01) Tổng giám đốc, hai (02) Phó tổng giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm theo một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức

a. Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc một hoặc một số nhiệm vụ theo sự phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và pháp luật về phạm vi công việc được phân công và ủy quyền;

b. Kế toán trưởng là người giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo, thực hiện thống nhất công tác kế toán, tài chính, thống kê; chịu trách nhiệm về công tác quản lý tài chính, kế toán của Công ty theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 27. Thành viên quản lý khác:

27.1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người quản lý khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Thành viên quản lý doanh nghiệp phải có trách nhiệm khẩn cấp cần thiết để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

27.2. Mức lương, tiền thù lao, quyền lợi và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng của những cán bộ quản lý chủ chốt khác (Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng) sẽ do Hội đồng quản trị quyết định theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

Điều 28. Tổng giám đốc:

28.1. Bổ nhiệm:

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, mức lương, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thù lao, mức lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

28.2. Nhiệm kỳ:

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

28.3. Tiêu chuẩn là ứng cử viên Tổng giám đốc:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự theo Điều 65 Luật doanh nghiệp 2014 và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp .

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

c. Cán bộ quản lý cấp cao không được đồng thời làm giám đốc tại doanh nghiệp khác. Những người liên quan đến cán bộ quản lý cấp cao không được làm giám đốc tại các doanh nghiệp liên quan đến ngành nghề kinh doanh của công ty.

28.4. Quyền hạn và nhiệm vụ:

Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Quản lý và điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

b. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng kinh tế, dân sự và các loại hợp đồng khác trong giới hạn thẩm quyền phục vụ cho tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất. Đối với những hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thì Tổng Giám đốc chỉ được ký kết sau khi đã có nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phê chuẩn;

d. Kiến nghị về số lượng và các loại cán bộ quản lý cần thiết để quản lý và điều hành Công ty để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết để thực hiện các thông lệ quản lý tốt nhất cũng như các cơ cấu do Hội đồng quản trị đề xuất và tư vấn cho Hội đồng quản trị để quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của các cán bộ quản lý;

e. Tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

f. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và phụ cấp (nếu có) đối với các chức danh quản lý của Công ty trừ

những trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; quyết định thành lập, giải thể các phòng ban trong Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc.

g. Xây dựng kế hoạch kinh doanh dài hạn và hàng năm. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

i. Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý Công ty;

j. Chuẩn bị các bản dự toán ngân sách dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải trình cho Hội đồng quản trị để thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

k. Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của Hội đồng quản trị, nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật lao động. Quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có) cho người lao động trong Công ty; Quyết định khen thưởng, kỷ luật, chấm dứt hợp đồng lao động, cho thôi việc đối với người lao động theo đúng Bộ Luật lao động và Luật Doanh nghiệp ;

l. Được quyền ra các quyết định vượt thẩm quyền vì lợi ích của Công ty trong những trường hợp khẩn cấp hoặc bất khả kháng như thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn và các trường hợp bất khả kháng khác. Tổng Giám đốc phải báo cáo ngay và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về những quyết định này của mình;

m. Kiến nghị phương án trả cổ tức và xử lý lỗ trong kinh doanh;

n. Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình thì Tổng Giám đốc có thể ủy quyền cho cá nhân và/hoặc tổ chức khác thực hiện các công việc liên quan đến nhiệm vụ và quyền hạn của mình tùy theo nhu cầu vào từng thời điểm;

o. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và quy định của pháp luật. Nếu điều hành trái với quy định trên mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật (nếu có) và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

28.5. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông:

Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

28.6. Bãi nhiệm, miễn nhiệm:

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc với ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp Chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị này kiêm Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

Tổng Giám đốc có thể được Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;
- b. Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác.

Tổng Giám đốc có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;
- b. Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

Điều 29. Phó Tổng giám đốc

29.1. Các Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc trong các cổ đông hoặc là người được Hội đồng quản trị thuê, tuyển dụng theo hợp đồng. Phó Tổng giám đốc có nhiệm kỳ làm việc cùng với nhiệm kỳ của Tổng giám đốc.

29.2. Phó Tổng giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau:

a. Thực hiện một số công việc theo sự phân công quản lý của Tổng giám đốc phù hợp với lĩnh vực mình phụ trách;

b. Tham mưu, hiến kế, cố vấn và đề xuất cho Tổng giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị về chiến lược phát triển kinh doanh và đầu tư mở rộng Công ty tùy theo chuyên môn và lĩnh vực được phân công;

c. Kiến nghị đến Tổng giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị các vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh có nguy cơ tiềm ẩn có thể gây thiệt hại cho Công ty trong chuyên môn và lĩnh vực mình đảm nhiệm;

d. Chịu trách nhiệm liên đới với Tổng giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị về các nghiệp vụ kinh tế, đầu tư phát sinh làm thiệt hại cho Công ty;

e. Có quyền kiến nghị đến Tổng giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị thay đổi, tuyển dụng nhân sự, cách chức Người điều hành, Người quản lý, các bộ phận, phòng ban các đơn vị trực thuộc trong Công ty.

f. Tuân thủ các nghĩa vụ của Người quản lý theo Điều lệ Công ty và theo quy định của Pháp luật.

Điều 30: Kế toán trưởng:

30.1 Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc thuê, tuyển dụng.

30.2. Kế toán trưởng có có nhiệm vụ và quyền sau:

a. Thực hiện công việc của mình theo Luật kế toán. Tham mưu, cố vấn cho Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị về tổ chức bộ máy kế toán tài chính của Công ty. Kiến nghị thay đổi, tuyển dụng nhân sự của bộ phận tài chính kế toán lên Tổng giám đốc và Chủ tịch Hội đồng quản trị;

b. Tham mưu cho Ban điều hành về chính sách tài chính, chế độ kế toán liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty;

c. Thực hiện báo cáo tài chính của Công ty cho Ban điều hành, Hội đồng quản trị theo định kỳ quý, 6 tháng, 9 tháng và năm. Lập đầy đủ và giữ đúng hạn các báo cáo kế toán và quyết toán của Công ty theo chế độ hiện hành;

d. Thực hiện các kế hoạch kinh doanh, tài chính, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, các dự toán chi phí kinh doanh, phí lưu thông, các dự toán chi tiêu...;

e. Phân công và chỉ đạo tất cả các kế toán viên của Công ty, có quyền yêu cầu các bộ phận trong Công ty chuyển đầy đủ kịp thời số liệu cần thiết cho công việc kế toán;

f. Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức kinh doanh của Công ty;

g. Tổ chức ghi chép, tính toán và phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời đầy đủ toàn bộ tài sản và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Tính toán và trích đầy đủ, kịp thời các khoản thuế, các quỹ để lại, xác định các khoản tiền vay, các khoản nợ phải thu, phải trả đúng hạn;

h. Phản ánh chính xác, kịp thời, đúng chế độ kết quả kiểm kê tài sản hàng kỳ và đề xuất các biện pháp giải quyết, xử lý khi có các trường hợp thất thoát xảy ra;

i. Tổ chức bảo quản, lưu trữ các tài liệu kế toán, giữ bí mật các tài liệu và số liệu kế toán bí mật của Công ty;

j. Không được lập, ký duyệt các báo cáo, chứng từ, tài liệu khi không có ý kiến của Tổng giám đốc, hoặc không phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước;

k. Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ được giao;

I. Tuân thủ các nghĩa vụ của người quản lý theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật dành cho chức danh Kế toán trưởng.

Điều 31. Thư ký Công Ty:

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái các quy định của pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- a. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
- b. Làm biên bản các cuộc họp;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Đảm bảo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
- e. Cung cấp thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ.

MỤC IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 32. Ban Kiểm soát:

32.1. Ban Kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm như sau:

- a. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- b. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
- c. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm có giải quyết khắc phục hậu quả;
- d. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành của Công ty;
- e. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

f. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 6 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;

g. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;

h. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo Điều lệ Công ty quy định;

i. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu;

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

j. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến tổ chức quản lý của Công ty;

k. Có quyền tham gia, thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;

n. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

m. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác quy định của Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và theo Điều 165, Điều 166 và Điều 167 Luật doanh nghiệp.

32.2. Cuộc họp Ban kiểm soát:

a. Sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên.

b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc, thành viên kiểm toán độc lập tham gia trả lời các vấn đề mà Ban kiểm soát quan tâm.

33.3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông có những nội dung sau:

a. Hoạt động của Ban kiểm soát;

b. Kết quả giám sát tình hình hoạt động tài chính của Công ty;

c. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc, Người quản lý Công ty;

d. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty;

32.4. Thù lao cho các Kiểm soát viên:

Tổng mức thù lao cho các Kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định mỗi năm. Mức thù lao có thể cao hơn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn, các chi phí phát sinh một cách hợp lý.

32.5. Kiểm soát viên

a. Ban Kiểm soát có số lượng là (03) ba thành viên. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của Công ty;

b. Ban kiểm soát bầu một trong số họ là Trưởng Ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát phải đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 163 Luật Doanh nghiệp. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

(i) Triệu tập các cuộc họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban kiểm soát;

(ii) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát;

(iii) Lập báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

c. Các thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là năm (05) năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại vào mỗi kỳ Đại hội đồng cổ đông với số nhiệm kỳ không hạn chế theo phương thức bầu dồn phiếu.

32.6. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý;

c. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

d. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của Pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

32.7. Ứng cử, đề cử ứng viên Ban kiểm soát

a. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 2 Điều 22 Điều lệ này.

b. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử viên như trên vẫn không đủ số lượng cần thiết, ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định trong Quy chế quản trị Công ty.

c. Trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên trước khi bỏ phiếu.

32.8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

a. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

(i). Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật doanh nghiệp;

(ii). Không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

(iii). Có đơn từ chức và được chấp thuận;

(iii). Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật

b. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

(i) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

(iii) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

(iii) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

32.9. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;

b. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông, không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, các nhân khác.

d. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

MỤC V

NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 33. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành:

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương trong hoàn cảnh tương tự. Nếu thực hiện công việc trái với quy định mà gây thiệt hại cho Công ty phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

34.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

34.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

34.3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

34.4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên.

34.5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng [hai mươi phần trăm(20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa

số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn [hai mươi phần trăm(20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường:

35.1. Trách nhiệm về thiệt hại:

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

35.2. Bồi thường:

Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hình sự, hành chính hay điều tra (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý cấp cao, nhân viên Công ty hoặc đại diện được ủy quyền của Công ty (hay công ty con của Công ty), hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý cấp cao, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của một Công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), án phí, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có sự phát

hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm trách nhiệm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương VI

QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN QUẢN LÝ VỐN CỦA CÔNG TY ĐẦU TƯ TẠI CÔNG TY KHÁC

Điều 36. Vốn công ty đầu tư ở công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh

Vốn công ty đầu tư ở công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh bao gồm:

36.1. Vốn bằng tiền, giá trị quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất, giá trị những tài sản khác được công ty đầu tư, góp vốn vào doanh nghiệp khác.

36.2. Giá trị cổ phần tại công ty Nhà nước đã cổ phần hóa.

36.3. Vốn do công ty vay để đầu tư.

36.4. Lợi tức và các khoản phải chia khác do công ty đầu tư góp vốn vào doanh nghiệp khác được sử dụng để tái cơ cấu tại doanh nghiệp này.

36.5. Giá trị cổ phiếu thưởng, cổ phiếu trả thay cổ tức của phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp này.

36.6. Các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Quản lý phần vốn góp của công ty góp vào doanh nghiệp khác là công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh

37.1. Hội đồng quản trị thông qua và quyết định phương án đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác do Tổng giám đốc công ty đề nghị.

37.2. Hội đồng quản trị cử đại diện ủy quyền của chủ sở hữu, người đại diện trực tiếp quản lý phần vốn của công ty ở doanh nghiệp khác để thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu và quyền cổ đông tại doanh nghiệp khác; bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định tiền lương, tiền thưởng, chế độ đãi ngộ đối với đại diện ủy quyền của Chủ sở hữu và người đại diện quản lý vốn tại doanh nghiệp khác.

37.3. Giao nhiệm vụ, chỉ đạo người đại diện bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của công ty ; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của công ty. Kiểm tra, giám sát người đại diện phần vốn nhằm phát hiện thiếu sót, yếu kém của người đại diện phần vốn để ngăn chặn, chấn chỉnh kịp thời.

37.4. Hội đồng quản trị giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn của công ty đầu tư vào các doanh nghiệp khác, chịu trách nhiệm về hiệu quả, bảo

toàn và phát triển vốn đã đầu tư và thu lợi nhuận từ phần vốn của công ty đầu tư vào các doanh nghiệp khác.

Điều 38. Tiêu chuẩn và điều kiện của người đại diện phần vốn của công ty ở các doanh nghiệp khác là công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh.

38.1. Người đại diện phần vốn của công ty tại các công ty con, công ty liên kết, liên doanh phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam; là cán bộ có năng lực, đã từng làm việc tại công ty hoặc các doanh nghiệp của công ty, thực hiện theo quy định của Pháp luật liên quan đến người đại diện theo ủy quyền và người đại diện quản lý phần vốn tại doanh nghiệp khác.

b. Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ; có uy tín đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư của công ty.

c. Hiểu biết Pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.

d. Có trình độ chuyên môn về tài chính doanh nghiệp hoặc lĩnh vực kinh doanh chính của các doanh nghiệp mà công ty có vốn đầu tư; có năng lực kinh doanh và kinh nghiệm tổ chức quản lý doanh nghiệp. Đối với người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối của công ty ở các công ty liên doanh với nước ngoài còn phải có thêm trình độ ngoại ngữ đủ để làm việc với người nước ngoài trong liên doanh.

đ. Không là người có liên quan của những người trong Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng giám đốc của các doanh nghiệp có vốn đầu tư của công ty mà người đó được giao đại diện ủy quyền hoặc trực tiếp quản lý phần vốn góp.

e. Không có quan hệ góp vốn thành lập doanh nghiệp, cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua bán với các doanh nghiệp có vốn đầu tư của công ty mà người đó được giao đại diện ủy quyền hoặc trực tiếp quản lý phần vốn góp, trừ trường hợp có cổ phần ở công ty cổ phần hóa.

38.2. Người đại diện được tham gia ứng cử vào bộ máy lãnh đạo (Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc/Giám đốc) của các doanh nghiệp có vốn đầu tư của công ty con mà người đó được giao đại diện ủy quyền hoặc trực tiếp quản lý phần vốn góp phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật, điều lệ của doanh nghiệp đó.

Điều 39. Quyền, nghĩa vụ và quyền lợi của người đại diện ủy quyền hoặc người đại diện phần vốn của công ty ở các doanh nghiệp khác là công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh.

39.1. Đại diện ủy quyền hoặc người đại diện phần vốn của công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Đại diện cho công ty thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ sở hữu và quyền của cổ đông, thành viên góp vốn tại công ty con, công ty liên kết, liên doanh; sử dụng quyền Chủ sở hữu, quyền cổ phần chi phối hoặc vốn góp chi phối để định hướng công ty con thực hiện theo chiến lược, mục tiêu của công ty.

b. Được công ty cử làm đại diện ủy quyền của Chủ sở hữu hoặc cử làm người đại diện quản lý vốn và giới thiệu trực tiếp tham gia ứng cử vào bộ máy quản lý, điều hành công ty con, công ty liên kết, liên doanh theo quy định của điều lệ công ty đó.

c. Theo dõi và giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính, phát hiện khả năng thua lỗ, mất vốn ở công ty con, công ty liên kết, liên doanh.

d. Thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên, định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng quản trị công ty về hiệu quả sử dụng phần vốn góp.

đ. Xin ý kiến Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội cổ đông, tại cuộc họp của Hội đồng quản trị của công ty con, công ty liên kết, liên doanh về phương hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; tăng, giảm vốn điều lệ; đầu tư dự án; chia lợi tức, bán tài sản có giá trị lớn; cơ cấu tổ chức; quyết định chức danh quản lý điều hành.

e. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc công ty về quản lý, sử dụng có hiệu quả vốn góp của công ty ở công ty được giao làm đại diện ủy quyền hoặc trực tiếp quản lý phần vốn góp.

Trường hợp không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định, lợi dụng quyền đại diện theo ủy quyền hoặc quản lý phần vốn đầu tư của công ty, thiếu trách nhiệm gây thiệt hại cho công ty thì người đại diện ủy quyền hoặc đại diện phần vốn bị miễn nhiệm, đồng thời phải chịu trách nhiệm, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và các quy chế của công ty.

f. Theo dõi, thu lợi tức đầu tư của công ty. Người đại diện phải đôn đốc thu lợi nhuận, cổ tức được chia và định kỳ báo cáo các chỉ tiêu tài chính, các báo cáo khác theo yêu cầu của công ty quy định tại quy chế quản lý vốn và người đại diện quản lý phần vốn của công ty ở doanh nghiệp khác.

g. Đại diện ủy quyền hoặc người đại diện phần vốn của công ty có nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định của pháp luật, quy chế quản lý vốn và người đại diện ủy quyền hoặc người đại diện quản lý phần vốn vi phạm quy chế công ty, vi phạm nội dung thỏa thuận làm tổn hại đến lợi ích của công ty thì Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty có quyền xử lý kỷ luật; trường hợp vi phạm nghiêm trọng tới mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì đưa ra pháp luật xử lý theo quy định hiện hành.

h. Có các quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

39.2. Quyền lợi của người đại diện phần vốn của công ty ở các doanh nghiệp khác.

a. Đại diện ủy quyền hoặc người đại diện phần vốn của công ty hưởng chế độ thù lao, lương, thưởng, phụ cấp trách nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị đối với từng trường hợp cụ thể và thực hiện theo quy chế tiền lương, tiền thưởng của công ty.

b. Việc đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động của đại diện ủy quyền hoặc người đại diện phần vốn thực hiện theo quy chế quản lý vốn và người đại diện phần vốn của công ty ở các doanh nghiệp khác.

c. Hội đồng quản trị chấp thuận và giao Tổng giám đốc ký hợp đồng ủy quyền theo Bộ Luật Dân Sự 2015 hoặc ký văn bản cam kết về nghĩa vụ, quyền lợi và trách nhiệm cụ thể với đại diện ủy quyền của Chủ sở hữu hoặc người đại diện quản lý phần vốn tại doanh nghiệp khác hàng năm.

39.3. Việc cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, chế độ đãi ngộ đối với đại diện ủy quyền của chủ sở hữu hoặc người đại diện quản lý phần vốn tại doanh nghiệp thực hiện theo quy chế quản lý người đại diện phần vốn và các quy chế nội bộ của công ty.

Chương V

QUYỀN KIỂM TRA SỔ SÁCH, HỒ SƠ VÀ CHẾ ĐỘ LƯU TRỮ TÀI LIỆU CỦA CÔNG TY

Điều 40. Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ Công ty:

40.1. Mọi cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong các Khoản 4 Điều 9, Khoản 2 Điều 22 và Khoản 7 Điều 32 của Điều lệ này đều có quyền, trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty, danh sách các cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó với điều kiện thông tin này phải được bảo mật. Một yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

41.2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao có quyền kiểm tra Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

40.3. Mọi cổ đông đều có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ Công ty. Điều lệ Công ty được đăng lên Website của Công ty.

Điều 41. Chế độ lưu trữ tài liệu của Công ty:

41.1 Công ty phải lưu trữ các tài liệu sau đây:

- Điều lệ công ty và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế quản lý nội bộ công ty,
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp.
- Các giấy tờ liên quan đến đất đai, tài sản của công ty.
- Các biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, các quyết định đã được thông qua.
- Báo cáo đề phát hành chứng khoán.
- Báo cáo của Hội đồng quản trị, của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập.
- Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm.
- Các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật.

41.2. Công ty phải lưu trữ những tài liệu quy định nói trên ở trụ sở chính hoặc nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này. Thời hạn lưu trữ theo quy định của pháp luật.

41.3. Tổng Giám đốc công ty là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu trữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của công ty bao gồm toàn bộ hồ sơ như nêu ở khoản 1 điều này trước và sau thời điểm chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Chương VI

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 42. Công nhân viên và công đoàn:

42.1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật.

42.2. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại Khoản 1 Điều này.

42.3. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các chính sách liên quan đến việc tuyển dụng lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức chính trị - xã hội được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách được quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và các quy định của pháp luật.

Điều 43. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội khác.

Công ty có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Công đoàn, Hội cựu chiến binh hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật.

Công ty tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức trên hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, đúng pháp luật, phù hợp với mục tiêu kinh doanh của Công ty, quyền lợi của người lao động, lợi ích của cổ đông.

Chương VII
PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 44. Cổ tức:

44.1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, các cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận sau thuế của Công ty.

44.2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

44.3. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác đi, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.

44.4. Công ty sẽ không thanh toán lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

44.5. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do Công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

44.6. Cổ tức hay những khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán trực tiếp hoặc thông qua ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng mà cổ đông đó không nhận được. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

44.7. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bổ sung này được ghi là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua, trên cơ sở giá trị của các cổ phần phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán xác thực nhất.

44.8. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

44.9. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, TRÍCH LẬP QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng:

45.1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một hay nhiều ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

45.2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu cần thiết.

45.3. Công ty sẽ tiến hành thực hiện tất cả các khoản thanh toán và giao dịch tài chính thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính:

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ ba mươi mốt (31) của tháng Mười hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ Ngày thành lập và kết thúc vào ngày thứ ba mươi mốt (31) của tháng Mười hai của năm đó.

Cuối mỗi niên khóa, Hội đồng quản trị xem xét, thông qua quyết toán đề trình Đại hội đồng cổ đông bao gồm:

- (i) Bảng cân đối kế toán của Công ty;
- (ii) Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;
- (iii) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- (iv) Thuyết minh báo cáo tài chính.

Điều 47. Chế độ kế toán:

47.1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

47.2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

47.3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Chương IX

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý:

48.1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 51 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

48.2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

48.3. Công ty phải lập các báo cáo tài chính sáu tháng và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

48.4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

48.5. Bất kỳ một tổ chức hoặc cá nhân nào quan tâm sẽ được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo

sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 50. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng:

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (nếu có) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Phòng đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

Chương X

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán Công ty:

51.1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

Các kiểm toán viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

51.2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.

51.3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về Báo cáo kế toán hàng năm cho biết các khoản thu chi của công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.

51.4. Một bản sao của Báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

51.5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Chương XI

CON DẤU

Điều 52. Con dấu

52.1. Hội đồng quản trị thông qua một con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

52.2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XII

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 53. Chấm dứt hoạt động:

53.1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

a. Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

b. Giải thể trước thời hạn theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

53.2. Bất kỳ quyết định nào nhằm giải thể Công ty trước thời hạn đều phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quyết định này phải được thông báo lên cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

Điều 54. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông:

Các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đã phát hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới Tòa án để yêu cầu giải thể chiếu theo một, hay một số căn cứ sau:

54.1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.

54.2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

54.3. Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 55. Thanh lý

55.1. Ít nhất sáu (06) tháng sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập Ban Thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình.

Các thành viên của Ban Thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ của Công ty.

55.2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của Ban Thanh lý. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

55.3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho người lao động;
- c. Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;

f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ Điểm (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Cổ đông phổ thông sẽ được chia phần sau khi các cổ phiếu ưu đãi được thanh toán.

Chương XIII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ:

56.1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay liên quan tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ nào do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác, hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Một cổ đông, hay các cổ đông với Công ty; hoặc
- b. Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay Cán bộ quản lý cấp cao;

Thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho qua trình hòa giải tranh chấp.

56.2. Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải, hoặc nếu quyết định của trung gian hòa

giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án Kinh tế.

56.3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Chương XIV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 57. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ:

57.1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

57.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

57.3. Những nội dung không được quy định trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo các quy định và pháp luật hiện hành của Việt Nam; theo các thông lệ thương mại quốc tế chung và theo các Quy chế nội bộ khác của Công ty.

Điều 58. Ngày hiệu lực:

58.1. Bản điều lệ này gồm 14 chương 59 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương NAVETCO nhất trí thông qua ngày 08 tháng 6 năm 2018 tại Thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực đối với toàn văn của Bản Điều lệ này.

58.2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) Bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước tại Thành Phố Hồ Chí Minh

b. Năm (05) Bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân Thành phố Hồ Chí Minh;

c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Văn phòng của Công ty.

58.3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

58.4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 59. Chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

